

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 443/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1999;

Căn cước công dân số 040199024361. Cấp ngày 22/10/2024. Nơi cấp Bộ Công an.

Nơi thường trú: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: Số B N, phường G, thành phố Hà Nội.

- Anh **Vũ Văn M**, sinh năm 1994;

Căn cước công dân số 038094006605. Cấp ngày 16/09/2021. Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi thường trú và nơi ở: Thôn N, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28/04/2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1, Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị T và anh Vũ Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 20/07/2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Vũ Văn M.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn M có 02 con chung là cháu Vũ Văn T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 05/9/2018; cháu Vũ Quỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 17/10/2020. Ly hôn anh chị thống nhất giao cả hai con chung là cháu Vũ Văn T1 và cháu Vũ Quỳnh N cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vũ Văn M cho đến khi nào chị T yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nhà ở:** Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

- **Về nợ chung:** Chị Trần Thị T và anh Vũ Văn Minh xác N1 không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2. **Về lệ phí Tòa án:** Chị Trần Thị Thanh tự N2 chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0009788 ngày 21/04/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội. Chị Trần Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Hà Nội;*
- *Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;*
- *Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ việc HNGĐ;*

THẨM PHÁN

Ngô Thị Vân